

Số: 04 /NQ-HĐND

Lục Ngạn, ngày 23 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn
Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
KHOÁ XX - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 221/TTr-UBND ngày 20/3/2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

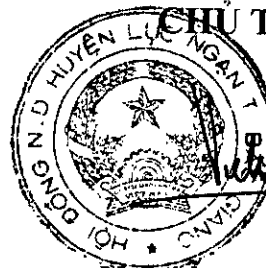
Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (có Biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban Nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết được HĐND huyện khóa XX, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 23 tháng 3 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, Lãnh đạo UBND tỉnh;
- VP ĐQB&HĐND, VP UBND tỉnh;
- TT HU, TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Các cơ quan, ban, ngành của huyện;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT, HS.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Oanh

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
DỰ ÁN 4 - NỘI DUNG 1. ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG
TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO ĐAN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ, THÔN BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
(kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND huyện Lục Ngạn)

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XÃ KIẾN THÀNH

DVT: Triệu đồng

| STT | Tên huyện, xã/danh mục công trình | Dự kiến quy mô xây dựng | Thời gian khởi công/hoàn thành | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | | | Phân kỳ | | | | | | | | | | | | |
|-----|---|-------------------------|--------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------|--------------|---------------|------|--------------|----------|------|--------------|----------|------|--------------|----------|------|--------------|---------|
| | | | | | Tổng số | NSTW | NS huyện, xã | Năm 2021-2022 | | | Năm 2023 | | | Năm 2024 | | | Năm 2025 | | | |
| | | | | | | | | Tổng số | NSTW | NS huyện, xã | Tổng số | NSTW | NS huyện, xã | Tổng số | NSTW | NS huyện, xã | Tổng số | NSTW | NS huyện, xã | Ghi chú |
| | Tổng | | | 1.265 | 1.265 | 1.265 | - | 217 | 217 | - | 461 | 461 | - | 461 | 461 | - | 126 | 126 | - | - |
| | Kế hoạch đã được phê duyệt theo NQ số 28/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 | 1 km | | 1.265 | 1.265 | 1.265 | - | 217 | 217 | - | 461 | 461 | - | 461 | 461 | - | 126 | 126 | - | - |
| 1 | Đường bê tông thôn Cai Lè | 1 km | 2021-2025 | 1.265 | 1.265 | 1.265 | - | 217 | 217 | - | 461 | 461 | - | 461 | 461 | - | 126 | 126 | - | - |
| | Kế hoạch sau điều chỉnh | 600 | | 1.265 | 1.265 | 1.265 | - | 217 | 217 | - | 302 | 302 | - | 602 | 602 | - | 126 | 126 | - | - |
| 1 | Đường bê tông thôn Cai Lè giai đoạn 1 | 328 m | 2022- 2023 | 700 | 700 | 700 | - | 217 | 217 | - | 302 | 302 | - | 181 | 181 | - | | | | |
| 2 | Đường bê tông thôn Cai Lè giai đoạn 2 | 272 m | 2024-2025 | 565 | 565 | 565 | - | | | | | | | 421 | 421 | - | 126 | 126 | - | - |

**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 -2025
DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIỂU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT,
NƯỚC SINH HOẠT, CÔNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG**

(kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND huyện Lục Ngạn)



ĐVT: Triệu đồng

| TT | Tên công trình | Chủ đầu tư | Địa điểm xây dựng | Năm khởi công | Quy mô xây dựng | | Tổng nguồn vốn/tổng mức đầu tư | Vốn năm 2022 | Kế hoạch vốn năm 2023 | | Ghi chú |
|-----------|--|--------------------|-----------------------------|---------------|-------------------------|-----------------|--------------------------------|--------------|-----------------------|---------|---------|
| | | | | | Công suất (m3/ngày đêm) | Số hộ hưởng lợi | | | NS Trung ương | NS tỉnh | |
| I | Nước sinh hoạt tập trung | | | | | 270 | 5.600 | 300 | 5.300 | | |
| 1 | Công trình cấp nước SHTT thôn Na Lang, xã Phong Minh | UBND xã Phong Minh | Thôn Na Lang, xã Phong Minh | 2023 | 150/m3 ngày đêm | 70 | 2.800 | 150 | 2.650 | | |
| 2 | Công trình cấp nước SHTT thôn Nũn, xã Phong Minh | UBND xã Phong Minh | Thôn Nũn, xã Phong Minh | 2023 | 150/m3 ngày đêm | 200 | 2.800 | 150 | 2.650 | | |
| II | Hỗ trợ đất ở, nhà ở | UBND các xã | | | | | 5.324 | | 4.840 | 484 | |